TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN TAM BÌNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH VĨNH LONG
Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2025
"*V/v ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên toà*:** Không.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 486/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16/10/2024 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 153/2024/QĐ-HNGĐ, ngày 25/12/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Phạm Văn L**, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm C, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/07/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn L trình bày:

Vào năm 2018, qua quen biết tìm hiểu nhau nên anh và chị Nguyễn Thanh T tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/11/2018 tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc kéo dài đến đầu năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến trong đời sống gia đình, tính tình không hợp nhau, mạnh ai nấy sống, thường xuyên xảy ra

cự cãi, đã sống ly thân. Từ lúc ly thân hai bên không hàn gắn được, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Khi ly hôn anh Phạm Văn L yêu cầu nuôi 02 con chung là Phạm Nguyễn Tường V, sinh ngày 17/11/2018 và Phạm Nguyễn Uyên T1, sinh ngày 10/11/2020 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thanh T vắng mặt nên không trình bày.*

- *Tại phiên tòa*, nguyên đơn anh Phạm Văn L trình bày: Anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thanh T. Về con chung: Khi ly hôn anh Phạm Văn L yêu cầu nuôi 02 con chung là Phạm Nguyễn Tường V, sinh ngày 17/11/2018 và Phạm Nguyễn Uyên T1, sinh ngày 10/11/2020 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về pháp luật tố tụng*:

Nguyên đơn anh Phạm Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "*Ly hôn, nuôi con*"; bị đơn chị Nguyễn Thanh T cư trú tại Thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về pháp luật nội dung*:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh L và chị T có quen biết tìm hiểu nhau từ năm 2018 rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 23/11/2018, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Phạm Văn L trình bày: Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc kéo dài đến đầu năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến trong đời sống gia đình, tính tình không hợp nhau, mạnh ai nấy sống, thường xuyên xảy ra

cự cãi, đã sống ly thân. Từ lúc ly thân hai bên không hàn gắn được, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thanh T.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng anh L, chị T đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: "*... Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

[2]. *Về con chung*: Anh Phạm Văn L khai có con chung với chị Nguyễn Thanh T là các cháu Phạm Nguyễn Tường V, sinh ngày 17/11/2018 và Phạm Nguyễn Uyên T1, sinh ngày 10/11/2020 và yêu cầu được nuôi con.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con".*

Hiện tại các cháu V, T1 đang sống chung với anh L và cũng đang theo học tại các trường học thuộc địa bàn xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của các cháu, tránh thay đổi môi trường sống và học tập của các cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L là giao các cháu là Phạm Nguyễn Tường V, sinh ngày 17/11/2018 và Phạm Nguyễn Uyên T1, sinh ngày 10/11/2020 cho anh Phạm Văn L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thanh T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Phạm Văn L khai chưa yêu cầu, chị Nguyễn Thanh T cũng chưa có văn bản nào trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Phạm Văn L khai chưa yêu cầu, chị Nguyễn Thanh T cũng chưa có văn bản nào trình bày về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thanh T.

[2]. *Về con chung*: Giao các cháu Phạm Nguyễn Tường V, sinh ngày 17/11/2018 và Phạm Nguyễn Uyên T1, sinh ngày 10/11/2020 cho anh Phạm Văn L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Thanh T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Anh Phạm Văn L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số No 0014538 ngày 16/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Anh Phạm Văn L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long*;
- *VKSND huyện Tam Bình*;
- *CCTHADS huyện Tam Bình*;
- *UBND xã Tân Long, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long*;
- *Các đương sự*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bảo